

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y

(Trích báo cáo của Cục Thú y tại Hội nghị kiểm soát giết mổ động vật và quản lý buôn bán thuốc thú y ở Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 4 năm 2022)

I. CẤP TRUNG ƯƠNG

1.1. Quản lý về điều kiện sản xuất thuốc thú y

Trước nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã quy định về lộ trình thực hiện GMP trong sản xuất thuốc thú y từ năm 2004, nhằm đảm bảo chất lượng thuốc thú y sản xuất trong nước đạt 3 tiêu chí về bảo đảm chất lượng, an toàn và hiệu lực. Do vậy, hiện nay tất cả 83 cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vaccin đã áp dụng và được cấp giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) theo nguyên tắc, quy định của Tổ chức Y tế thế giới (WHO-GMP). Đây là một trong những thành tựu nổi bật nhất của ngành Thú y Việt Nam, điều mà không phải nước nào trong khu vực ASEAN và trên thế giới đạt được.

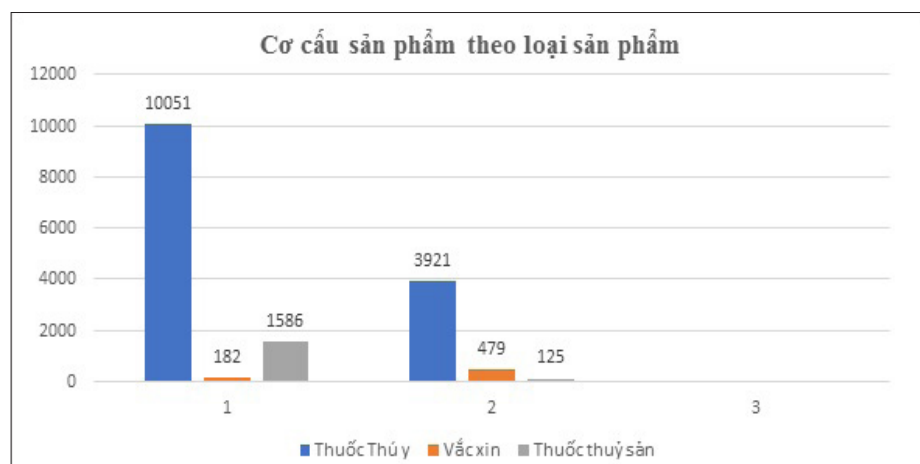
Hiện nay, các doanh nghiệp sản xuất thuốc thú y đã có 2 phòng thí nghiệm được Bộ Y tế thẩm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học cấp độ III (cả nước đến thời điểm hiện tại có tổng cộng 5 phòng thí nghiệm đạt cấp III, bao gồm 3 phòng thí nghiệm của cả ngành y tế).

1.2. Quản lý về điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

Cục Thú y là đơn vị quản lý, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y. Tổng số cơ sở nhập khẩu thuốc thú y năm 2021 là 110 cơ sở, nhập khẩu 2.542 loại thuốc thú y (chiếm 56,17% sản phẩm đã đăng ký) của 199 nhà sản xuất, từ 48 nước, có giá trị 135 triệu USD.

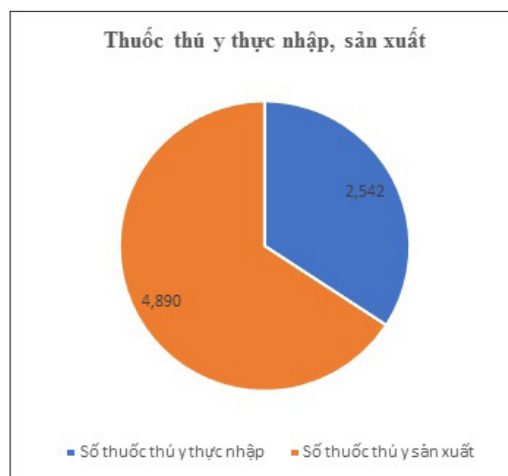
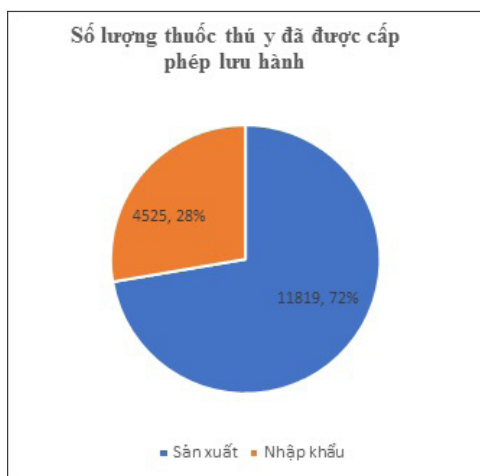
1.3. Quản lý về đăng ký thuốc thú y

Công tác đăng ký lưu hành thuốc thú y được quản lý chặt chẽ, tuân thủ các điều kiện nghiêm ngặt, chỉ các cơ sở đủ điều kiện sản xuất đạt chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) theo quy định; các cơ sở nhập khẩu thuốc thú y đủ điều kiện nhập khẩu mới được đăng ký lưu hành và các thuốc đăng ký lưu hành được lập hồ sơ cho từng sản phẩm thuốc kèm theo kết quả kiểm nghiệm đạt chất lượng, được Hội đồng khoa học chuyên ngành thuốc thú y xét duyệt chặt chẽ, đề xuất cấp giấy chứng nhận lưu hành theo đúng quy định của pháp luật. Các loại thuốc thú y được Cục Thú y cấp giấy chứng nhận lưu hành là các sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn và hiệu quả.



Hiện nay, tổng số sản phẩm thuốc thú y đăng ký lưu hành tại Việt Nam là 16.344 sản phẩm. Trong đó: 11.819 sản phẩm thuốc sản xuất trong nước của 150 nhà sản xuất (10.051 sản phẩm thuốc thú y; 182 sản phẩm vaccin; 1.586 sản phẩm thuốc thú y thủy sản) và 4.525

sản phẩm thuốc thú y nhập khẩu (3.921 sản phẩm thuốc thú y của 360 nhà sản xuất, từ 51 nước; 479 sản phẩm vaccin thú y của 60 nhà sản xuất từ 25 nước; và 125 sản phẩm thuốc thú y thủy sản nhập khẩu của 54 nhà sản xuất từ 20 nước).



Số lượng thuốc thú y sản xuất, nhập khẩu năm 2021: Tổng số cơ sở nhập khẩu là 110 cơ sở, nhập khẩu 2.542 loại thuốc thú y (chiếm 56,17% sản phẩm đã đăng ký) của 199 nhà sản xuất, từ 48 nước, có giá trị 135 triệu USD; sản xuất 4.890 loại thuốc thú y (chiếm 41,37% sản phẩm đã đăng ký) có giá trị 80,5 triệu USD.

Ngoài việc củng cố thị trường nội địa, nhiều công ty đã tìm kiếm thị trường xuất khẩu, hiện đã có trên 1.145 loại thuốc thú y của Việt Nam được xuất khẩu đến trên 40 quốc gia, vùng lãnh thổ và đã xuất khẩu được trên 10 loại vaccin thú y đi các nước từ 3 nhà sản xuất Hanvet, Navetco và Avac đến Hàn Quốc, Myanmar, Cam-pu-chia, ... và bán thành phẩm vaccin đến Đài Loan, Nhật Bản. Số lượng thuốc thú y xuất khẩu có chiều hướng gia tăng, trung bình hàng năm xuất khẩu trên 22 triệu USD. Điều này khẳng định được uy tín, chất lượng của thuốc thú y sản xuất trong nước.

1.4. Nghiên cứu, sản xuất vaccin thú y

Nghiên cứu, sản xuất thành công nhiều loại vaccin quan trọng để phòng bệnh cho gia súc, gia

cầm và thủy sản. Đến nay, Việt Nam có 10 Doanh nghiệp sản xuất vaccin đạt tiêu chuẩn GMP-WHO đã sản xuất đăng ký lưu hành trên 180 sản phẩm, đã đáp ứng được nhu cầu phòng các bệnh thông thường trên gia súc, gia cầm, thủy sản trong nước và một số loại đã xuất khẩu. Đặc biệt, đã sản xuất được một số loại vaccin phòng bệnh quan trọng như: Cúm gia cầm (Navet-Vifluvac) của công ty Navetco (sản xuất từ năm 2012), vaccin phòng bệnh Tai xanh của công ty Hanvet (sản xuất từ năm 2015), vaccin LMLM của Công ty AVAC (sản xuất từ năm 2018), vaccin Đại của công ty Navetco (sản xuất từ năm 2019), vaccin phòng bệnh trên cá tra. Đây là các loại vaccin chủ lực, được sử dụng rộng rãi nên đã góp phần quan trọng trong việc kiểm soát tốt các loại dịch bệnh nguy hiểm trong nhiều năm qua.

1.5. Quản lý nguyên liệu kháng sinh nhập khẩu

Hiện nay, 100% nguyên liệu thuốc thú y, trong đó có kháng sinh phải nhập khẩu từ nước ngoài. Việc cấp phép nhập khẩu nguyên liệu kháng sinh làm thuốc thú y được thực hiện một

cách chặt chẽ. Trong giấy phép nhập khẩu có ghi rõ nguyên liệu kháng sinh nhập khẩu chỉ được dùng cho sản xuất thuốc thú y; yêu cầu đơn vị đăng ký nhập khẩu nguyên liệu kháng sinh báo cáo việc sử dụng, kinh doanh, địa chỉ cơ sở mua nguyên liệu kháng sinh của lô nguyên liệu kháng sinh nhập khẩu lần trước, khi nộp hồ sơ đăng ký nhập khẩu nguyên liệu kháng sinh lô hàng tiếp theo thì mới xem xét giải quyết; ghi rõ đơn vị nhập khẩu chỉ được phép kinh doanh, sử dụng nguyên liệu trên để sản xuất các sản phẩm thuốc thú y đã được cấp giấy chứng nhận lưu hành hoặc có tên trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành; không bán nguyên liệu thuốc thú y cho các cơ sở chưa được cấp phép kinh doanh nguyên liệu làm thuốc thú y, đại lý, cửa hàng buôn bán thuốc thú y để bán cho người dân sử dụng trực tiếp phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản hoặc bán trực tiếp cho các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để sử dụng.

Để ngăn chặn có hiệu quả, tiến tới chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật về buôn bán, sử dụng nguyên liệu kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; đồng thời kiểm soát việc sử dụng nguyên liệu kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, nhằm giảm thiểu tồn dư kháng sinh trong sản phẩm động vật xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, giữ uy tín thị trường xuất khẩu và bảo đảm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, Cục Thú y đã tham mưu, trình Bộ ban hành, chỉ đạo tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch quản lý, giám sát nguyên liệu kháng sinh nhập khẩu để sản xuất thuốc thú y giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 2803/QĐ-BNN-TY ngày 7/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Năm 2021, tổng số cơ sở nhập khẩu: 34 cơ sở, nhập khẩu 250 loại nguyên liệu, số lượng 11.000 tấn với giá trị 130 triệu USD của 420 nhà sản xuất, từ 26 nước (Australia, Brazil, Bulgaria, Cộng hòa Czech, Trung Quốc, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Ấn Độ, Indonesia, Italy, Nhật Bản, Hàn Quốc Latvia, Malaysia, New Zealand, Romania, Singapore, Slovakia,

Tây Ban Nha, Thụy Điển, Đài Loan, Thái Lan, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ) để sản xuất thuốc thú y. Trong đó: Nguyên liệu kháng sinh nhập khẩu là 61 loại nguyên liệu, số lượng 1.760 tấn với giá trị 83 triệu USD của 168 nhà sản xuất, từ 08 nước (Bulgaria, Trung Quốc, Ấn Độ, Italy, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Vương quốc Anh); nguyên liệu khác là 9.240 tấn với giá trị 30 triệu USD.

1.6. Kiểm tra chất lượng vaccin, thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y nhập khẩu

Thuốc thú y, vaccin thú y thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và khoản 5 Điều 100 Luật Thú y năm 2015. Thực hiện các quy định của pháp luật nêu trên đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, ngày 15/11/2018 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 18/2018/TT-BNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều 13/2016/TT-BNNPTNT quy định về quản lý thuốc thú y, quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y, vaccin thú y nhập khẩu. Cụ thể:

- Đối với nguyên liệu thuốc thú y miễn kiểm tra chất lượng.

- Đối với thuốc thú y thành phẩm và vaccin sẽ lấy mẫu kiểm tra chất lượng 3 lô hàng nhập khẩu liên tiếp, kết quả kiểm tra đạt chất lượng, sẽ được miễn kiểm tra chất lượng trong 2 năm. Số lượng thuốc, vaccin thú y lấy mẫu kiểm tra chất lượng năm 2020 là: 2.171 mẫu (448 mẫu vaccin, 1.723 mẫu thuốc thành phẩm), phát hiện số mẫu thuốc không đạt chất lượng là 7 mẫu thuốc thành phẩm; chiếm 0,3% trong tổng số mẫu kiểm tra chất lượng (100% mẫu vaccin được kiểm tra đều đạt chất lượng).

1.7. Thực trạng về công tác quản lý buôn bán thuốc thú y tại địa phương

- Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương cấp tỉnh quản lý, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

- Hệ thống đại lý, cửa hàng buôn bán thuốc thú y được phân bố rộng khắp trên cả nước, hiện nay trên toàn quốc có trên 17.715 cửa hàng, đại lý buôn bán thuốc thú y, trong đó:

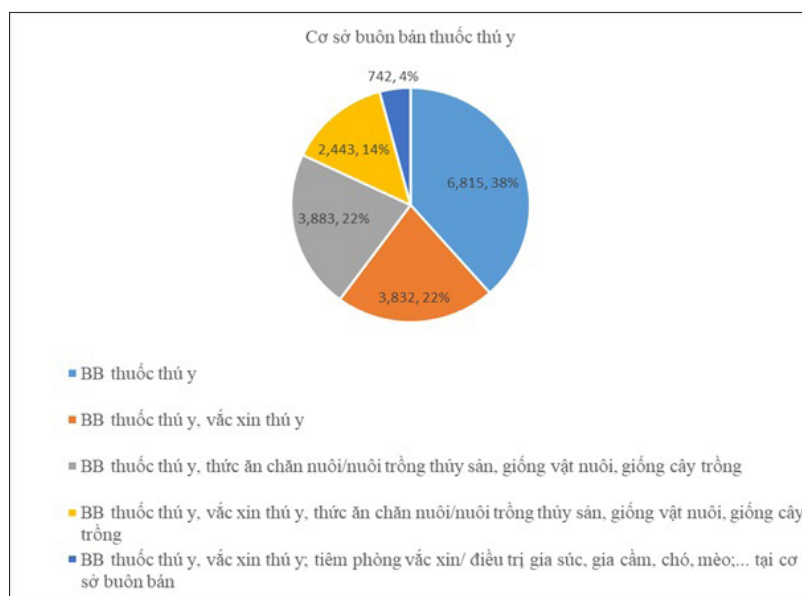
+ Cơ sở buôn bán thuốc thú y: 6.815 (chiếm 38,5%)

+ Cơ sở buôn bán thuốc thú y, vaccin thú y: 3.832 (chiếm 21,6%)

+ Cơ sở buôn bán thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi/nuôi trồng thủy sản, giống vật nuôi, giống cây trồng: 3.883 (chiếm 21,9%).

+ Cơ sở buôn bán thuốc thú y, vaccin thú y, thức ăn chăn nuôi/nuôi trồng thủy sản, giống vật nuôi, giống cây trồng: 2.443 (chiếm 13,8%).

+ Cơ sở buôn bán thuốc thú y, vaccin thú y; tiêm phòng vaccin/ điều trị gia súc, gia cầm, chó, mèo;... tại cơ sở buôn bán: 742 (chiếm 4,2%).



- Các cửa hàng buôn bán thuốc thú y; cơ sở hành nghề dịch vụ thú y đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đều đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, về con người và các hồ sơ liên quan theo quy định (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, Chứng chỉ hành nghề thú y).

- Cơ sở buôn bán chỉ thuốc thú y và vaccin thú y chiếm 60%, còn lại 40% cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y nhưng buôn bán đủ các loại vật tư nông nghiệp như thức ăn chăn nuôi/nuôi trồng thủy sản, giống vật nuôi, giống cây trồng, giống vật nuôi, tiêm phòng vaccin/ điều trị gia súc, gia cầm, chó, mèo.

- Số lượng cơ sở chỉ buôn bán thuốc thú y, vaccin thú y thực hiện tốt các quy định về kinh doanh tại các tỉnh giữ nguyên hệ thống thú y chiếm tỷ lệ cao (Hà Nội 100%; Bến Tre 98,2%; Tp. Hồ Chí Minh 71,6%) so với số lượng cơ sở buôn bán thuốc thú y, vaccin thú y chung với các mặt hàng vật tư nông nghiệp khác như thức ăn chăn nuôi, thủy sản, giống gia súc, gia cầm, tiêm phòng, điều trị bệnh động vật....tại các tỉnh, thành phố đã sáp nhập hệ thống thú y.

- Có 16.584/17.715 cơ sở buôn bán thuốc thú y (chiếm 93,6%) có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

- Các cá nhân tham gia hoạt động tại các cửa hàng buôn bán thuốc thú y, cơ sở hành nghề

dịch vụ thú y đều có Chứng chỉ hành nghề thú y phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y theo quy định.

- Cơ sở buôn bán thuốc thú y có quy mô lớn đều ở thành phố, thị xã và trung tâm huyện, tại các xã chủ yếu là các cơ sở buôn bán thuốc thú y nhỏ lẻ.

- Nhiều tỉnh Chi cục không tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở buôn bán thuốc thú y định kỳ/hàng năm. Việc thanh tra, kiểm tra các cơ sở này được Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

- Các Chi cục tham gia đoàn kiểm tra do Thanh tra Sở Nông nghiệp xây dựng kế hoạch kiểm tra đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục một số địa phương tổ chức thanh tra, kiểm tra cơ sở buôn bán thuốc thú y (Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Bến Tre, Bình Dương, Tiền Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh).

- Cơ quan quản lý thị trường thực hiện kiểm tra cơ sở buôn bán thuốc thú y nhưng số lượng không nhiều (5 cơ sở - Tiền Giang).

- Trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhiều địa phương không tiến hành thanh tra, kiểm tra (Ninh Thuận), nếu có thì số lượng đợt thanh tra rất ít, 1-2 cuộc/ năm hoặc tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, BẤT CẬP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

2.1. Cấp Trung ương

2.1.1. Khó khăn, tồn tại, bất cập

- Sản xuất thuốc thú y là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đòi hỏi đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị hiện đại; vì vậy cần phải có vốn lớn và cần có nguồn nhân lực chuyên sâu về sản xuất thuốc, vaccin thú y; đồng thời hoạt động sản xuất, kinh doanh luôn gặp các rủi ro cao không tiêu thụ được sản phẩm khi có dịch bệnh xảy ra, giá thịt lợn giảm mạnh năm 2017 và hiện

nay đang bị ảnh hưởng nặng nề do bệnh dịch tả lợn châu Phi nên hoạt động sản xuất bị cầm chừng, đình trệ.

- Nguồn nhân lực: việc bố trí nhân sự còn hạn chế và khó khăn như Cục Thú y chỉ có 5 cán bộ được phân công về công tác quản lý thuốc, nhân sự của các Trung tâm chuyên ngành về thuốc thú y (Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương II) còn hạn hẹp.

Thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực sản xuất thuốc thú y, đặc biệt là vaccin thú y. Thiếu được sỹ đại học trong quản lý sản xuất thuốc thú y do ngành nông nghiệp chưa có cơ sở đào tạo chuyên ngành về Dược sỹ phục vụ sản xuất thuốc thú y.

- Chưa có trại chăn nuôi động vật sạch bệnh (SPF) và chưa có các Trung tâm riêng về khảo nghiệm thuốc thú y nên khó khăn cho công tác nghiên cứu sản xuất các loại thuốc, vaccin mới, kiểm nghiệm thuốc, đặc biệt là kiểm nghiệm vaccin.

- Cục Thú y chưa được Bộ bố trí nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm cho việc lấy mẫu thuốc được phẩm, vaccin lưu hành trên thị trường để kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc thú y.

2.1.2. Đề xuất, kiến nghị

- Cấp vốn ưu đãi cho doanh nghiệp sản xuất thuốc, vaccin thú y (ưu tiên, ưu đãi về đất đai, vốn). Cần có nguồn vốn để đầu tư trang thiết bị sản xuất, nghiên cứu, đào tạo,... để chuyển đổi công nghệ, kỹ thuật quy trình sản xuất thuốc, vaccin theo công nghệ tiên tiến.

- Chính sách ưu tiên sử dụng thuốc, vaccin trong nước đối với vaccin sử dụng trong chương trình tiêm phòng sử dụng ngân sách của nhà nước, chỉ khi nào trong nước không sản xuất được mới sử dụng vaccin nhập khẩu.

- Tăng cường nguồn nhân lực cho cơ quan nhà nước và đào tạo nhân sự cho các Doanh nghiệp sản xuất thuốc, vaccin thú y.

- Hàng năm, có nguồn kinh phí thường xuyên để lấy mẫu thuốc được phẩm, vaccin lưu hành trên thị trường để kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc thú y.

2.2. Cấp địa phương

2.2.1. Khó khăn, tồn tại, bất cập

- Công tác kiểm tra, thanh tra cơ sở buôn bán thuốc thú y thiếu đồng bộ và không thống nhất tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT, có tỉnh giao cho Chi cục CNTY.

- Hiện nay, một số cơ sở buôn bán thuốc thú y với hình thức buôn bán trung gian, quảng cáo trên mạng, giao dịch qua thư điện tử nên khó khăn trong việc quản lý, kiểm tra.

- Mô hình kinh doanh thuốc thú y tại các phòng khám thú y ngày càng phát triển nhưng chưa có quy định cụ thể và biện pháp quản lý loại hình này.

- Vẫn còn tình trạng vi phạm trong buôn bán thuốc thú y, đặc biệt là vi phạm về chất lượng sản phẩm thuốc thú y; ghi nhãn sản phẩm không đúng nội dung đã đăng ký; buôn bán thuốc thú y nhập lậu, thuốc cấm sử dụng, không có trong Danh mục được phép lưu hành; bán thuốc cho đối tượng sử dụng không đúng quy định (thuốc đăng ký lưu hành dùng cho động vật trên cạn nhưng lại dán nhãn hướng dẫn sử dụng cho động vật thủy sản, bán thuốc enrofloxacin của thuốc thú y trên cạn cho người nuôi trồng thủy sản sử dụng).

- Song song với việc buôn bán thuốc thú y tại các cửa hàng, địa điểm cố định được kiểm soát còn tình trạng lực lượng tiếp thị của các công ty kinh doanh trực tiếp liên hệ với các cơ sở chăn nuôi cung cấp thuốc phòng, trị bệnh không qua quản lý của các cơ quan địa phương.

- Các sản phẩm hóa chất dùng trong thú y có tác dụng sát trùng, khử trùng, tiêu độc khi sản xuất phải đáp ứng điều kiện sản xuất hóa chất dùng trong thú y và đăng ký là thuốc thú y. Tuy nhiên các công ty sản xuất công bố theo tiêu chuẩn cơ sở dưới dạng các chất xử lý cải tạo môi

trường trong nuôi trồng thủy sản và gọi là thuốc thú y gây hiểu nhầm, nhầm lẫn về sản phẩm.

- Kinh doanh thuốc thú y ngoài Danh mục do cơ sở sản xuất ghi nhãn là thức ăn chăn nuôi và công bố tiêu chuẩn chất lượng.

- Cơ sở buôn bán thuốc thú y cố ý đóng cửa, né tránh, khi nghe thông tin Đoàn đến kiểm tra.

- Một số cơ sở mắc lỗi không lập sổ sách theo dõi xuất, nhập, số lô, hạn dùng các loại thuốc, không niêm yết giá bán tại quầy.

- Việc triển khai và kiểm tra thực hiện Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 9/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT còn hạn chế; nhất là việc chấp hành kê đơn sử dụng thuốc thú y. Nguyên nhân do lực lượng Thanh tra viên của Chi cục còn mỏng, số lượng cửa hàng thuốc nhiều và trải đều khắp địa bàn tỉnh nên không thể kiểm soát hết; mặc dù, số lượng cửa hàng thuốc thì nhiều nhưng người đủ điều kiện để kê đơn thuốc thú y (bao gồm người có chứng chỉ hành nghề chẩn đoán, khám bệnh, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật) không nhiều nên khó khăn trong việc triển khai áp dụng quy định này.

- Một số cơ sở buôn bán thuốc thú y chưa nắm vững các quy định của pháp luật về thuốc thú y.

- Hầu hết các cơ sở buôn bán thuốc thú y ở tuyến huyện là cơ sở bán lẻ, lượng thuốc bán ra chủ yếu là cho những hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nên việc lập sổ xuất, nhập hầu như không triển khai.

Hiện nay, các thương lái khi mua cá thịt liên kết với các ao nuôi đưa trực tiếp thuốc thú y thủy sản cho hộ dân nuôi cá nên công tác quản lý thuốc thú y cấm, thuốc thú y ngoài Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam theo quy định gặp khó khăn.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y không đủ biên chế công chức nên việc thực hiện nhiệm vụ

quản lý, thanh tra chuyên ngành gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động thanh, kiểm tra.

- Địa bàn quản lý rộng, cơ sở hạ tầng giao thông còn hạn chế cho nên còn chưa tiếp cận, bao quát được tình hình chấp hành pháp luật trong kinh doanh, lưu hành, chất lượng sản phẩm là thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi tại một số địa phương vùng sâu vùng xa.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tuy đã được quan tâm nhưng chưa tạo được sự chuyển biến về nhận thức, vẫn còn tình trạng buôn bán thuốc thú y chưa đăng ký lưu hành; việc đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm trong quá trình bảo quản tại cơ sở buôn bán chưa được duy trì theo đúng quy định nhất là vào mùa khô của miền Nam, khả năng làm ảnh hưởng đến chất lượng thuốc thú y.

2.2.2. Đề xuất, kiến nghị

- Chuyển giao lại chức năng, nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y để có chuyên môn phù hợp và chủ động trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm kịp thời đối với hoạt động buôn bán thuốc thú y đối với các tỉnh đã chuyển nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Tăng cường công tác thanh tra hoạt động kinh doanh tại cửa hàng buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản; lấy mẫu kiểm tra chất lượng thuốc, vacxin lưu hành trên địa bàn quản lý.

- Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành của địa phương và các lực lượng liên quan nhất là Bộ đội biên phòng, Hải quan, Công an, Quản lý thị trường: Tổ chức giám sát chặt chẽ tại các cửa khẩu, khu vực tập kết, buôn bán thuốc thú y nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm khắc, triệt để đối với các trường hợp vận chuyển, buôn bán thuốc thú y nhập lậu qua biên giới, không rõ nguồn gốc.

- Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp

tỉnh phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, Quản lý thị trường và các ban, ngành của Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất tại các cơ sở buôn bán thuốc thú y, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn; lấy mẫu thuốc thú y để kiểm tra chất lượng; thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y (kém chất lượng, cấm sử dụng, nhập lậu, không có trong danh mục được phép lưu hành, thuốc giả, ghi sai nhãn mác, ghi sai công dụng, gian lận thương mại,...) và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

- Tăng cường tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin về nguy cơ tác hại của việc buôn bán, sử dụng thuốc thú y, thức ăn bổ sung, chế phẩm sinh học không đúng quy định; vận động người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản mua thuốc thú y, thức ăn bổ sung, chế phẩm sinh học ở những cơ sở kinh doanh có uy tín, có nguồn gốc rõ ràng, có trong danh mục được phép lưu hành; hướng dẫn người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; tuân thủ nghiêm ngặt việc sử dụng, ngừng sử dụng kháng sinh trước khi thu hoạch, giết mổ, đặc biệt không sử dụng kháng sinh nguyên liệu, thuốc dùng trong y tế để phòng, trị bệnh cho động vật trên cạn và động vật thủy sản nhằm hạn chế tối đa dư lượng kháng sinh;

- Công khai danh tính các tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực sản xuất, buôn bán thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế phẩm sinh học trên các phương tiện thông tin đại chúng để người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được biết, tránh mua phải hàng cấm, hàng ngoài danh mục, hàng giả, hàng kém chất lượng,...; phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để truy xuất nguồn gốc và xử lý vi phạm theo quy định./.

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY MỘT BÀI BÁO KHOA HỌC, GỬI BÀI VÀ LỆ PHÍ

I. TRÌNH BÀY BÀI BÁO KHOA HỌC (Khổ: A4, cỡ chữ: 12, font chữ: Time New Roman. Tổng số trang của bài báo không vượt quá 10 trang).

1. Tên bài tiếng Việt và tiếng Anh (Title)

- Tên bài nói lên nội dung chính của nghiên cứu, vấn đề muốn giải quyết (khoảng 20 từ).
- Sau tên bài là tên tác giả, đơn vị công tác, email và địa chỉ nhận Tạp chí biểu (trường hợp nhiều tác giả thì ghi tác giả chính trước, sau đó là các đồng tác giả (không quá 6 tên tác giả, nếu quá số đó ghi thêm là “cs”). Đánh dấu số thứ tự bên cạnh tên tác giả để ghi chú đơn vị công tác).

2. Tóm tắt (Summary)

Nêu ngắn gọn (khoảng 150 - 250 từ), tóm tắt nội dung chính của bài báo, thể hiện bao gồm mục đích, phương pháp và kết quả chính của bài báo. Tóm tắt có 2 phần: bằng tiếng Việt và tiếng Anh, dưới có ghi từ khóa (keywords) là những từ quan trọng nói lên được nội dung chính của nghiên cứu và đặc trưng chủ đề của bài báo. Từ khóa không quá dài, khoảng 5 - 7 từ.

3. Mở đầu hoặc Đặt vấn đề (Introduction)

Lý do thực hiện nghiên cứu: xuất phát từ tình hình thực tế, vấn đề đang xảy ra, vấn đề đang tồn tại, vấn đề đã và đang được quan tâm, yêu cầu cần thiết phải được làm rõ, yêu cầu từ thực tiễn sản xuất, thông tin từ các nước khác qua tài liệu, những kiến thức nào đã có trước, những tác giả đã và đang làm về vấn đề này vv...

4. Nội dung, nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu (Contents, Materials and Methods)

4.1. Nội dung nghiên cứu

- Có bao nhiêu nội dung cần nghiên cứu (1, 2, 3, 4 vv...), có tiêu đề của từng nội dung phục vụ cho chủ đề nghiên cứu, phải sắp xếp nội dung nghiên cứu theo logic để dẫn đến kết quả mong muốn của đề tài nghiên cứu.
- Trong nội dung chính có thể có thêm những nội dung phụ.

4.2. Nguyên liệu

- Đối tượng, địa điểm, thời gian và phạm vi nghiên cứu.
- Các nguyên vật liệu, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, môi trường, hóa chất, động vật thí nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Nếu sử dụng các phương pháp chuẩn đã được ban hành, cần ghi rõ ký hiệu phương pháp, ví dụ theo TCVN, ISO hoặc AOAC.... Trong trường hợp tự xây dựng thí nghiệm cần phải mô tả chi tiết, thiết lập bảng biểu và các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá vv...

5. Kết quả và thảo luận (Results and Discussion)

- Mục này trình bày những kết quả nghiên cứu và thảo luận kết quả nghiên cứu theo từng nội dung. Dữ liệu được trình bày theo bảng biểu, đồ thị hình vẽ, hình ảnh v.v... nên tập trung phân tích những điểm có thể chưa rõ, những sự giống hoặc khác biệt với kết quả của các tác giả khác trong và ngoài nước hoặc kết quả không như kỳ vọng. Có thể phân tích những lý do nào đã dẫn đến những kết quả đạt được như kỳ vọng hoặc ngược lại vv...
- Diễn giải phân tích kết quả, những ưu điểm và hạn chế, tách bạch rõ ràng dữ liệu và suy luận.

- Mỗi liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó. Chứng minh sự đóng góp của tác giả bổ sung cho lý thuyết và kiến thức, hay điều chỉnh những sai sót của các đề tài nghiên cứu trước đó, hoặc là kết quả đóng góp cho thực tiễn giải quyết được vấn đề đặt ra, hoặc là đưa vào sản xuất diện hẹp, hoặc là chuyển giao công nghệ cho nhà sản xuất vv...

6. Kết luận (Conclusion)

- Kết luận cần rút ra được gì qua kết quả nghiên cứu và biểu thị bằng số liệu định lượng.
- Kết luận chỉ thể hiện kết quả nghiên cứu của tác giả theo nội dung nghiên cứu.
- Kết luận không viết theo kiểu giải thích, hoặc lặp lại như phần giới thiệu.
- Kết luận cần ngắn gọn, rõ ràng.

7. Tài liệu tham khảo (Reference)

- Cần viết một số tài liệu tham khảo chính trong và ngoài nước về cùng chủ đề (không quá 10 tài liệu). Ghi rõ tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, nguồn tài liệu (tập, số, trang).

II. GỬI BÀI

- Bản thảo là bản điện tử (file mềm) gửi về tòa soạn theo địa chỉ Email: **tckhktthuy@gmail.com** hoặc website: **hoithuyvietnam.org.vn** (mục **Liên hệ**)

- Sau khi xuất bản, tác giả chính trong bài sẽ nhận được 1 quyền miễn phí, gửi về tận nơi theo đường bưu điện.

III. LỆ PHÍ

Lệ phí phản biện, đăng bài: **500.000 đ/bài** gửi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo địa chỉ:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y: Số 86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Số tài khoản: **1300 201 220 282**. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long ./.

MẪU PHIẾU ĐẶT MUA TẠP CHÍ KHKT THÚ Y NĂM 2022

Tên người/đơn vị đặt mua:.....Số ĐT:.....

Địa chỉ (ghi cụ thể để gửi Tạp chí):

Đặt mua: Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y năm 2022 (1 năm 8 số)

Số lượng mỗi số:.....quyển x 8 số =quyển

Giá đơn vị: 35.000đ/quyển

Thành tiền: 35.000đ xquyển =đ

(Ghi bằng chữ:.....)

Tiền đặt mua xin gửi tiền mặt qua bưu điện hoặc chuyển khoản về:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y

86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Tài khoản: **1.300 201 220 282**

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long

Ngày / /2022

Người đặt mua
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Phiếu đặt mua có thể gửi theo bưu điện hoặc qua Email: **tckhktthuy@gmail.com**

- Tòa soạn sẽ gửi tới độc giả đúng số lượng vào địa chỉ như đã đăng ký ở trên theo đường bưu điện.